



Ngày 20/9/2000, bị Tòa án nhân dân thị xã H xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số: 14/HS-ST. Ngày 03/11/2000, chấp hành xong khoản án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Ngày 06/3/2001, bồi thường xong về dân sự cho người bị hại. Ngày 28/9/2001, chấp hành xong án phạt tù về nơi cư trú theo giấy chứng nhận số: 101/GCN ngày 28/9/2001 của Trại giam A.

Ngày 02/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số: 35/2013/HS-ST, không bồi thường dân sự. Ngày 12/9/2013, chấp hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 30/4/2014, chấp hành xong án phạt tù về nơi cư trú theo giấy chứng nhận số: 211/GCN ngày 30/4/2014 của Trại giam A.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2020, chuyển tạm giam từ ngày 02/02/2020; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông Lê Bá N, sinh năm 1973 và bà Ngô Thị Q, sinh năm 1976; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam; bà Q có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam (X); địa chỉ: Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Chuyên viên tổ tụng- Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản X; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1957; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; có văn bản trình bày và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do nợ nần không có tiền tiêu xài cá nhân và bị các chủ nợ đòi tiền nên Võ Tuấn A đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng đêm khuya vắng, không có người trông coi, Võ Tuấn A đã lén lút đột nhập vào nhà của các bị hại trộm cắp tài sản. Trong các ngày 18/7/2018 và ngày 19/01/2020, qua điều tra xác định được Võ Tuấn A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của các bị hại tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam gồm tiền, vàng, USD với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.335.933.235 đồng, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Tối ngày 18/7/2018, Võ Tuấn A phát hiện nhà ông Lê Bá N tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam khóa cửa ngoài, không có ai ở nhà. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, Võ Tuấn A mang theo 01 cây xà beng (*bằng kim loại hình trụ tròn, dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 02cm, 02 đầu dẹp*), 01 đôi găng tay len màu đen, 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1202 (*vỏ màu đen, bên*

trong gấn thẻ sim 0935294216) và chân mang đôi dép lười (dép quai xỏ ngón) đi bộ đến nhà ông Lê Bá N. Võ Tuấn A đột nhập vào nhà rồi lên cầu thang đến phòng ngủ tầng 2; sau đó dùng xà beng cạy phá khóa cửa gỗ phòng ngủ, đột nhập vào bên trong. Võ Tuấn A bật sáng đèn pin điện thoại, tiến đến lục soát tủ quần áo và các ngăn tủ bàn nhưng không tìm thấy tài sản. Võ Tuấn A đến tủ gỗ đặt ngay góc phòng ngủ, dùng xà beng cạy phá khóa cửa tủ, phát hiện bên trong có một “Két sắt”. Võ Tuấn A dùng xà beng đục phá cửa két sắt lấy toàn bộ tiền vàng ở trong “Két sắt”.

Sau đó, Võ Tuấn A lấy một túi ba lô màu đen trong phòng ngủ, mang đến vị trí để két sắt, để chiếc điện thoại Nokia 1202 lên giường rồi lấy tài sản trong “Két sắt” bỏ vào ba lô mang đi xuống tầng 1, đi ra khỏi nhà bằng cửa hông bên trái ngôi nhà (theo hướng từ ngoài nhìn vào) và thoát ra theo lối đột nhập vào, lúc này Võ Tuấn A bỏ quên chiếc điện thoại Nokia 1202 ở trên giường. Toàn bộ tài sản trộm có được, Võ Tuấn A mang về giấu trên phòng kho sân thượng Khu chung cư L thuộc phường C, thành phố H (nơi Võ Tuấn A cư trú). Ba ngày sau, Võ Tuấn A mang toàn bộ số tài sản trộm được vào bán cho 01 tiệm vàng ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (do đã lâu Võ Tuấn A không nhớ tên của tiệm và địa chỉ cụ thể) được tổng số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng). Võ Tuấn A sử dụng 800.000.000 đồng trả tiền nợ (tiền gốc và tiền lãi) cho một người tên H (khoảng 35 tuổi, người Miền Bắc, trước đây thuê nhà trọ sống trên đường O, thành phố Đà Nẵng, không xác định được lai lịch), số tiền còn lại Võ Tuấn A sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân và mang trả nợ cho một số người khác.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 58/KL-ĐGTS ngày 06/8/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: 40 lượng vàng SJC, vòng đeo cổ bằng vàng loại 24K, 03 lắc đeo tay bằng vàng loại 18 K mỗi lắc 02 chỉ; nhẫn cưới bằng vàng loại 18K, có đính 03 hột xoàn kích thước 01 ly loại 1,5 ly; 02 nhẫn đeo bằng vàng loại 18K, mỗi cái 0,5 chỉ. Tổng giá trị tài sản là 1.526.578.500 đồng (BL 14).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 46/CV-HĐTĐ ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam kết luận: Một “Két sắt” nhãn hiệu Sanzil, kích thước 62cm x 48cm x 47,5cm, loại có bánh xe, kết cấu bằng kim loại, nặng 110 kg, thời điểm mua vào cuối năm 2015, thời điểm định giá ngày 18/7/2018 giá trị 3.450.000 đồng (BL 04, 05).

Như vậy, xác định vào ngày 18/7/2018, Võ Tuấn A có hành lén lút đột nhập vào nhà ông Lê Bá N đập phá “Két sắt” trị giá 3.450.000 đồng và trộm cắp tài sản của vợ chồng ông Lê Bá N có giá trị là: 1.526.578.500 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng 01 giờ ngày 19/01/2020, Võ Tuấn A mang theo 02 thanh kim loại hình trụ tròn, đường kính 2,1cm, một thanh có chiều dài 58cm và thanh kim loại còn lại có chiều dài 56,9cm; 01 tuốc nơ vít dài 30,5cm; 01 kim cắt kim loại và chiếc điện thoại Iphone 5S mua lúc chiều, đi bộ đến Văn phòng Công chứng L (, thành phố H, tỉnh Quảng Nam). Võ Tuấn A trèo qua rào chắn

trước Văn phòng, dùng thanh kim loại mang theo cạy khóa cửa kính rồi đột nhập vào Văn phòng, mở đèn pin điện thoại, lục tìm trong các hộc bàn và ngăn kéo bàn ở tầng 1 nhưng không phát hiện tài sản. Võ Tuấn A đến khu vực bếp, phát hiện gần một cái bàn, đôi diện chân cầu thang đi lên tầng 2 có 01 “Két sắt”. Võ Tuấn A sử dụng thanh kim loại cạy phá bung cửa “Két sắt” ra nhưng không tìm thấy gì. Võ Tuấn A lên tầng 2, dùng xà beng mang theo cạy phá khóa cửa phòng kho vào bên trong, phát hiện tại đây có 01 “Két sắt”. Võ Tuấn A phá “Két sắt”, phát hiện bên trong có tài sản gồm: Vàng, USD và tiền Việt Nam đồng. Sau đó, Võ Tuấn A xuống tầng 1, lấy 01 balo màu đen, 01 túi xách màu đen dùng để đựng máy tính Laptop mang lên bỏ tài sản vào (*không kiểm đếm tại chỗ rồi mang xuống tầng 1*). Trước khi ra về để tránh bị phát hiện nên Võ Tuấn A đã đến chỗ vị trí gần bộ ghi dữ liệu camera an ninh đặt trên tường bên phải theo hướng từ ngoài vào, dùng tay giật các đầu dây cáp đầu nối vào đầu ghi này và mang về cùng với đôi găng tay, kim cắt kim loại và tài sản trộm được.

Theo kết quả điều tra và giám định đã xác định được Võ Tuấn A đã có hành vi đập phá 02 “Két sắt” trị giá 4.756.000 đồng và trộm cắp tài sản tại Văn phòng Công chứng L có tổng giá trị 3.809.354.735 đồng (*Ba tỷ, tám trăm lẻ chín triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng*), trong đó: Số tiền của Văn phòng Công chứng L là 406.030.000 đồng và tiền của chị Lê Thị Dân và những cá nhân gửi cho chị Dân giữ giùm là 3.403.324.735 đồng: 15 lượng vàng loại SJC có giá 651.000.000 đồng; 05 chỉ vàng PNJ có giá 21.825.000 đồng; 109.803 USD có giá trị 2.552.370.735 đồng và số tiền 178.129.000 đồng.

[2] *Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:*

**Về trách nhiệm hình sự:** Tuyên bố bị cáo Võ Tuấn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Hủy hoại tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo Võ Tuấn A 14 (*Mười bốn*) năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo Võ Tuấn A 01 (*Một*) năm tù, về tội “*Hủy hoại tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), tổng hợp buộc bị cáo Võ Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **15** (*Mười lăm*) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt khẩn cấp ngày 24/01/2020.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Võ Tuấn A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại với tổng số tiền là 2.716.883.235 đồng, cụ thể từng bị hại như sau:

- Bồi thường cho vợ chồng ông Lê Bá N, bà Ngô Thị Q số tiền là 1.360.028.500 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

- Bồi thường cho Văn phòng Công chứng L số tiền là 76.030.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Bồi thường cho chị Lê Thị Dân số tiền là 1.280.824.735 đồng (*Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng*).

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên:

- Tịch thu của bị cáo Võ Tuấn A **01** (Một) xe ô tô BKS 92A-124.96 do bà Trần Thị L (*Mẹ vợ*) đứng tên đăng ký chủ sở hữu (*không kiểm tra chất lượng bên trong*); thanh lý bán để giao trả cho bị hại ông Lê Bá N, bà Ngô Thị Q số tiền 170.000.000 đồng (*đã được khấu trừ vào tiền bồi thường*), số tiền còn lại giải ngân cho Ngân hàng X - Phòng giao dịch H (*theo Hợp đồng thế chấp số: 110/2018/HĐBĐ/PVB-PGD.HA ngày 31/8/2018*).

Các loại vật chứng nêu trên, hiện đang quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/4/2021.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

[3] *Kháng cáo:*

Ngày 11-5-2021 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam có đơn kháng cáo đề nghị trả lại chiếc xe ô tô xe ô tô BKS 92A-124.96 do bà Trần Thị L đứng tên đăng ký chủ sở hữu, cho Ngân hàng X - Phòng giao dịch H để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay của bà L; nếu tịch thu là thiệt hại cho Ngân hàng, bởi tài sản này đã Thế chấp cho Ngân hàng X (*theo Hợp đồng thế chấp số: 110/2018/HĐBĐ/PVB-PGD.HA ngày 31/8/2018*), chính Ngân hàng đã trực tiếp chuyển số tiền 399.000.000 đồng cho bên bán xe là Công ty cổ phần ô tô H, bà L chỉ nộp 161.000.000 đồng tiền mặt; nên bà L là người chủ sở hữu tài sản và X là người đang quản lý hợp pháp tài sản.

Bà Trần Thị L có ý kiến do xe ô tô khi mua thì Ngân hàng cho vay tiền để mua là chủ yếu, số tiền ngân hàng chuyển cho bên bán xe là 399.000.000 đồng, Bà chỉ trả tiền mặt 161.000.000 đồng, nay đã Thế chấp nên phải trả xe để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho Ngân hàng, vì đến nay đã hết hạn vay mà gia đình Bà hiện nay không có khả năng để trả nợ vay bằng tiền mặt; phải giao xe cho Ngân hàng bán trả nợ vay.

[4] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Nguyễn Văn Phụng, đại diện theo ủy quyền của X giữ nguyên đơn kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là xe ô tô BKS 92A-124.96 không phải là công cụ, phương tiện phạm tội; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng bà Trần Thị L và Nguyễn Quốc H là Chủ sở hữu xe ô tô BKS 92A-124.96 vào tham gia tranh tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, chưa xem xét đến quyền lợi của X về quyền quản lý hợp pháp tài sản và ưu tiên thanh toán. Nguồn gốc chiếc xe ô tô BKS 92A-124.96 là do bà L mua, được BKS 92A-124.96 cho vay hỗ trợ mua bằng cách chuyển thẳng phần lớn tiền cho bên bán (hơn 71%); X và bà L không có lỗi trong vụ án. Tuy nhiên do cấp phúc thẩm đã đưa bà L vào tham gia tố tụng và sự việc cũng rõ ràng, đơn giản nên đề nghị sửa án sơ thẩm mà không cần hủy, tuyên giao trả xe ô tô cho Chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng vay vốn, mà đến nay người vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung vụ án và kháng cáo: Xe ô tô BKS 92A-124.96 do bà Trần Thị L đứng tên Chủ sở hữu và đang được Thế chấp tại X; bà Trần Thị L không được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Xe ô tô do bà L là Chủ sở hữu bị Bản án sơ thẩm thu hồi để thanh toán cho bị hại, là quyền lợi của bà L bị ảnh hưởng, đồng thời không đúng theo quy định của pháp luật về Thế chấp tài sản và quyền ưu tiên thanh toán. Kháng cáo của Ngân hàng X là có căn cứ, tuy nhiên nếu chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và sửa án sơ thẩm thì không đảm bảo quyền được tham gia hai cấp xét xử cho bà L; do đó đề nghị hủy phần bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Võ Tuấn A: Vào tối ngày 18-7-2018 bị cáo A đã lén lút vào nhà vợ chồng ông Lê Bá N, bà Ngô Thị Q dùng Xà beng đập phá 01 “Két sắt” có giá trị 3.450.000 đồng và chiếm đoạt vàng, tiền có tổng giá trị theo định giá là 1.526.587.500 đồng. Đến ngày 19-01-2020, bị cáo tiếp tục lén lút vào Văn phòng Công chứng L, sử dụng thanh kim loại đập phá 02 “Két sắt” có giá trị 4.756.000 đồng và chiếm đoạt vàng, tiền có tổng giá trị theo định giá là 3.809.354.735 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Võ Tuấn A 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm tù về

tội “*Hủy hoại tài sản*”. Không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh và hình phạt.

[2] Xét kháng cáo của X:

Bản án sơ thẩm xác định Võ Tuấn A phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Lê Bá N, bà Ngô Thị Q tổng số tiền là 1.530.028.500 đồng (*tài sản trộm cắp là 1.526.578.500 đồng và giá trị kết sắt bị hư hỏng là 3.450.000 đồng*) là có cơ sở. Bản án sơ thẩm đã căn cứ khai nhận của bị cáo Võ Tuấn A tại Phiên tòa sơ thẩm “*Trong tổng số tiền mua xe ô tô BKS: 92A-124.96 vào tháng 8/2018 do bà Trần Thị L (Mẹ vợ) đứng tên chủ sở hữu có khoảng 170.000.000 đồng là tiền chiếm đoạt của vợ chồng ông N, bà Q trước đó*), từ đó quyết định tịch thu chiếc xe ô tô BKS 92A-124.96 thanh lý bán để giao trả cho vợ chồng ông Lê Bá N, bà Ngô Thị Q số tiền 170.000.000 đồng, đồng thời tuyên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 1.360.028.500 đồng. Tuy nhiên, bà Trần Thị L không có mặt tham gia tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời cả X và bà Trần Thị L đều phản đối việc tịch thu xe BKS 92A-124.96 thanh lý bán để giao trả cho bị hại, cả hai đều đề nghị trả lại xe ô tô để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng vay khi mua xe.

Xe ô tô BKS 92A-124.96 do bà Trần Thị L (Mẹ vợ bị cáo) đăng ký chủ sở hữu là tài sản đã được bà Trần Thị L thế chấp tại X, chi nhánh Quảng Nam, phòng giao dịch H để bảo đảm vay vốn cho Hợp đồng cho vay số 110/2018/HĐTD/PVB-PGD.HA ngày 31-8-2018 số tiền vay 399.000.000 đồng, mục đích vay là để trả tiền mua cho chính xe ô tô BKS 92A-124.96.

Theo Hợp đồng mua xe thì bà L đã nộp 161.000.000 đồng cho bên bán xe, còn lại số tiền 399.000.000 đồng là do X chuyển trả theo Hợp đồng vay của bà L để mua xe; như vậy việc Bản án sơ thẩm cho rằng bị cáo A dùng 170.000.000 đồng trộm cắp để mua xe là không hợp lý. Chiếc xe ô tô này là tài sản thế chấp tại X; Ngân hàng đang giữ toàn bộ giấy tờ sở hữu xe, như vậy xe ô tô BKS 92A-124.96 đã là tài sản bảo đảm cho một Hợp đồng vay, X là người đang quản lý tài sản hợp pháp.

Hiện nay, do bà Trần Thị L đang vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thống nhất giao xe ô tô đã thế chấp cho X thanh lý trả nợ vay. Như vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự, trả lại xe ô tô BKS 92A-124.96 cho vợ chồng bà Trần Thị L và X (chi nhánh Quảng Nam, phòng giao dịch H) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng vay số 110/2018/HĐTD/PVB-PGD.HA ngày 31-8-2018. Đồng thời, giữ nguyên các mức bồi thường thiệt hại, chỉ điều chỉnh lại rõ bị cáo A phải chịu

trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông Lê Bá nhật và bà Ngô Thị Q đủ số tiền 1.530.028.500 đồng.

[3] Kháng cáo của X là có căn cứ, được chấp nhận. Bản án sơ thẩm không đưa bà Trần Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách “*người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*” là thiếu sót. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, tuy nhiên bà Trần Thị L có ý kiến, nguyện vọng trùng hợp, thống nhất với kháng cáo của X và đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, bảo đảm được quyền lợi hợp pháp của các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, nên không cần thiết phải hủy phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng để xét xử sơ thẩm lại, sẽ kéo dài việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Võ Tuấn A phải chịu 200.000 đồng là đúng quy định; về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu số tiền được làm tròn số là 89.737.000 đồng (được tính theo tổng số tiền bị buộc bồi thường cho các bị hại là 2.886.883.235 đồng).

[5] Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Võ Tuấn A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại với tổng số tiền là 2.886.883.235 đồng, cụ thể từng bị hại như sau:

- Bồi thường cho vợ chồng ông Lê Bá N, bà Ngô Thị Q số tiền là 1.530.028.500 đồng (*Một tỷ, năm trăm ba mươi triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

- Bồi thường cho Văn phòng Công chứng L số tiền là 76.030.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Bồi thường cho chị Lê Thị Dân số tiền là 1.280.824.735 đồng (*Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự,

Trả lại 01 (Một) xe ô tô BKS 92A-124.96 do bà Trần Thị L đứng tên đăng ký chủ sở hữu (*không kiểm tra chất lượng bên trong*) cho bà Trần Thị L và Ngân hàng X (Chi nhánh Quảng Nam- Phòng giao dịch H) để bảo đảm thực



hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng thế chấp số: 110/2018/HĐBĐ/PVB-PGD.HA ngày 31/8/2018 và Hợp đồng vay vốn số 110/2018/HĐTD/PVB-PGD.HA ngày 31-8-2018.

4. Về án phí: bị cáo Võ Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng y*) án phí hình sự sơ thẩm và 89.737.000 đồng (*Tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng y*) án phí dân sự sơ thẩm

5. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Long**